

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DSST  
Ngày: 26/7/2022  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Diễm Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Trung và ông Nguyễn Mạnh Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thanh - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Khắc N, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Hồng P- Luật sư Văn phòng Luật sư K- Chi nhánh Phú Yên. Địa chỉ: 3B, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Vợ chồng bà Nguyễn Minh Thu T, sinh năm 1976, ông Bùi Văn H, sinh năm 1973.

Trú tại: Khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Điều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 03/11/2020 (nhằm ngày 18/9/2020 âm lịch), bà H có cho vợ chồng bà Nguyễn Minh Thu T, ông Bùi Văn

H vay số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), hạn 01 tháng sau (tức ngày 03/12/2020) sẽ trả đủ và ngày 16/11/2020 (nhằm ngày 02/10/2020 âm lịch), bà H tiếp tục cho vợ chồng bà T, ông H vay số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), hạn thời gian trả nợ là 02 tháng (tức đến ngày 16/01/2021 sẽ trả đủ). Tổng cộng bà H cho vợ chồng bà T, ông H vay số tiền 240.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*), mục đích vay tiền để xây dựng, sửa chữa nhà trẻ và nhà nghỉ. Việc vay tiền có giấy mượn tiền do bà T viết và cả vợ chồng bà T, ông H ký tên. Trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay vợ chồng bà T, ông H không trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Nay đã quá hạn ghi trong giấy mượn tiền, bà H đã nhiều lần đến yêu cầu vợ chồng bà T, ông H trả nợ nhưng vợ chồng bà T, ông H vẫn không trả. Nên bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông H phải trả số tiền gốc đã vay là 240.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) và trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm đối với số nợ gốc 40.000.000đ tính từ ngày 04/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; tiền lãi với lãi suất 10%/năm đối với số nợ gốc 200.000.000đ tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

-Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Minh Thu T, ông Bùi Văn H nhưng vợ chồng bà T, ông H không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

**Tại phiên tòa:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền đã vay là 240.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) và trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm đối với số nợ gốc 40.000.000đ tính từ ngày 04/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; tiền lãi với lãi suất 10%/năm đối với số nợ gốc 200.000.000đ tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự (BLDS), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 240.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay theo giấy mượn tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn thường trú tại Khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 35 BLTTDS. Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Minh Thu T, ông Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn vợ chồng bà T, ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Căn cứ vào các giấy mượn tiền (Bút lục số 30, 31) do bà Nguyễn Minh Thu T viết và ông Bùi Văn H, bà Nguyễn Minh Thu T cùng ký tên và lời trình bày của nguyên đơn được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 BLTTDS, đủ cơ sở xác định: ngày 18/9/2020 (âm lịch) nhằm ngày 03/11/2020 và ngày 02/10/2020 (âm lịch) nhằm ngày 16/11/2020, vợ chồng bà Nguyễn Minh Thu T và ông Bùi Văn H có vay của bà Nguyễn Thị Kim H hai lần với tổng số tiền là 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*), có ghi nhận thời hạn trả nợ và thỏa thuận lãi suất miệng là 3%/tháng.

Khi đến hạn trả nợ, bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T, ông H trả nợ nhưng vợ chồng bà T, ông H không trả nợ đúng cam kết mà trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên cần chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 240.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn trình bày giữa các đương sự có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Xét thấy, các đương sự thỏa thuận về việc trả lãi nhưng mức lãi suất 3%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả 10%/năm đối với số nợ gốc 40.000.000đ tính từ ngày 04/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi với lãi suất 10%/năm đối với số nợ gốc 200.000.000đ tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi như sau:

+ Từ ngày 04/12/2020 đến ngày xét xử (ngày 26/7/2022) là 01 năm 07 tháng 22 ngày; mức lãi suất được tính là  $10\%/năm = 0.83\%/tháng$ , cụ thể:  $40.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 6.551.452đ$ .

+ Từ ngày 07/01/2021 đến ngày xét xử (ngày 26/7/2022) là 01 năm 06 tháng 09 ngày; mức lãi suất được tính là  $10\%/năm = 0.83\%/tháng$ , cụ thể:  $200.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 30.377.997 đ$ .

Tổng tiền lãi là 36.929.449đ.

Như vậy, bị đơn vợ chồng bà T, ông H phải trả cho nguyên đơn bà H số tiền gốc là 240.000.000đ và tiền lãi là 36.929.449đ, tổng cộng là: 276.929.449đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng).

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là  $276.929.449đ \times 5\% = 13.846.472đ$ ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

1. Buộc bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Minh Thu T, ông Bùi Văn H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H số tiền đã vay là 240.000.000đ và tiền lãi là 36.929.449đ, tổng cộng là 276.929.449đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng bà Nguyễn Minh Thu T, ông Bùi Văn H phải chịu 13.846.472đ (Mười ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003730 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Diễm Huyền**